

Phú Thọ, ngày 20 tháng 7 năm 2020

QUYẾT ĐỊNH
ĐÌNH CHỈ GIẢI QUYẾT VỤ ÁN HÀNH CHÍNH

Căn cứ vào khoản 5 Điều 38, điểm a khoản 2 Điều 116, điểm g khoản 1 Điều 143 và Điều 144 của Luật tổ tụng hành chính;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ vụ án hành chính sơ thẩm;

Xét thấy: Vợ chồng cụ Nguyễn Văn M và cụ Trần Thị C sinh được 05 người con gồm ông Nguyễn Anh S, bà Nguyễn Thị Lan H, ông Nguyễn Quang H, bà Nguyễn Thị C và ông Nguyễn Văn N; ngày 17/12/1994 cụ Nguyễn Văn M chết không để lại di chúc gì. Tài sản của cụ M và cụ C gồm có 01 thửa đất số: 117⁶, tờ bản đồ số 20, diện tích 565, 4 m² (trong đó có 300 m² đất ở và 265,4 m² đất vườn), địa chỉ thửa đất: Khu 1, thị trấn S, huyện C, tỉnh Phú Thọ đã được UBND huyện C, tỉnh Phú Thọ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 19/9/2003 đứng tên hộ cụ Trần Thị C. Ngày 26/9/2012 cụ Trần Thị C đã làm đơn xin tách tặng cho quyền sử dụng đất cho ông Nguyễn Anh S 344,9 m² đất (trong đó có 200 m² ODT và 144,9 m² đất LNK). Ngày 30/10/2012, UBND huyện C đã cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số: BM471208, thửa đất số: 117-6a, tờ bản đồ số 20, diện tích 344,9 m², địa chỉ thửa đất: Khu 1, thị trấn S, huyện C, tỉnh Phú Thọ, thời hạn sử dụng lâu dài, nguồn gốc sử dụng: Nhận quyền sử dụng đất do tặng cho quyền sử dụng đất đứng tên Nguyễn Anh S. Việc ông S được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cụ C, ông H, bà H, bà C, ông N đều biết. Đến ngày 09/8/2016, cụ Trần Thị C đã khởi kiện ông Nguyễn Anh S tại Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Phú Thọ yêu cầu hủy hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa cụ C và ông S và hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho ông S. Trong quá trình giải quyết vụ án, do đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn không nộp tiền chi phí tố tụng nên Tòa án nhân dân huyện C đã ra quyết định đình chỉ giải quyết vụ án dân sự số: 03/2017/QĐST – DS ngày 27/3/2017. Ngày 02/8/2019 bà Nguyễn Thị Lan H, ông Nguyễn Quang H, bà Nguyễn Thị Hồng C khởi kiện UBND huyện C, tỉnh Phú Thọ và ngày 08/8/2019 bà Nguyễn Thị Lan H có đơn khởi kiện UBND huyện C, tỉnh Phú Thọ yêu cầu Tòa án hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho ông Nguyễn Anh S ngày 30/10/2012 và cấp lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tại khu 1, thị trấn S, huyện C, tỉnh Phú Thọ cho cụ Trần Thị C với tổng diện tích đất 565,4 m² (trong đó

có 300 m² đất ở và 265,4 m² đất vườn) như cũ để gia đình bà thực hiện việc chia tài sản thừa kế theo quy định của pháp luật. Quá trình thu thập chứng cứ thấy rằng việc UBND huyện C, tỉnh Phú Thọ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông S thì cụ C, bà H, ông H, bà C, ông N đều biết từ năm 2012, tiếp đó đến năm 2016 cụ C khởi kiện ông S thì cụ C, bà H, ông H, bà C, ông N đều biết. Như vậy, theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 116 của Luật tố tụng hành chính quy định “Thời hiệu khởi kiện là 01 năm kể từ ngày biết được quyết định hành chính”. Căn cứ vào điểm g khoản 1 Điều 143 Luật tố tụng hành chính thì thời hiệu khởi kiện đã hết.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Đình chỉ giải quyết vụ án hành chính thụ lý số: 26/2019/TLST-HC ngày 13 tháng 09 năm 2019 “về Khiếu kiện hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất”, giữa:

1.1. Người khởi kiện: Bà Nguyễn Thị Lan H, sinh năm 1960. Địa chỉ: Nhà 01, ngõ 67, V, phường C, quận H, thành phố Hà Nội.

1.2. Người bị kiện: UBND huyện C. Địa chỉ trụ sở: Thị trấn S, huyện C, tỉnh Phú Thọ. Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Mạnh H, sinh năm 1974, chủ tịch UBND huyện C. Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Chí L, sinh năm 1974, phó chủ tịch UBND huyện C.

1.3. Những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

- Cụ Trần Thị C, sinh năm 1931. Địa chỉ: Khu 1, thị trấn S, huyện C, tỉnh Phú Thọ. Hiện nay đang ở với con tại: Nhà 01, ngõ 67, V, phường C, quận H, thành phố Hà Nội.

- Ông Nguyễn Quang H, sinh năm 1964. Địa chỉ: Số 391, Đỗ X, phường L, quận 9, thành phố Hồ Chí Minh.

- Bà Nguyễn Thị Hồng Chuyên, sinh năm 1970. Trú tại: A2-12-17 Chung cư G, 346 bên V, phường 1, quận 4, thành phố Hồ Chí Minh.

- Ông Nguyễn Anh S, sinh năm 1956 (đã chết). Những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng cho anh Sơn là bà Nguyễn Thị V, sinh năm 1972 (Vợ ông S) và các con của ông S là cháu Nguyễn Anh N, sinh năm 1995 và cháu Nguyễn Anh T, sinh năm 1996. Đều trú tại địa chỉ: Số 445/59/14, đường T, khu phố 9, phường B, quận B, thành phố Hồ Chí Minh.

- Ông Nguyễn Văn N, sinh năm 1971. Nơi ĐKKTT: Khu 8, thị trấn S, huyện C, tỉnh Phú Thọ. Chỗ ở: Tổ 15, khu 5 (trước là khu 6), phường V, thành phố V, tỉnh Phú Thọ.

2. Hậu quả của việc đình chỉ giải quyết vụ án: Trả lại cho bà Nguyễn Thị Lan H số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: 0003257 ngày 12/9/2019 tại Cục thi hành án dân sự tỉnh Phú Thọ.

Bà H không có quyền khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết lại vụ án hành chính nêu trên, nếu việc khởi kiện này không có gì khác với vụ án hành chính đã bị đình chỉ nêu trên về người khởi kiện, người bị kiện và quan hệ pháp luật có tranh chấp.

3. Đương sự có quyền kháng cáo, Viện kiểm sát cùng cấp có quyền kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm trong thời hạn 07 (Bảy) ngày kể từ ngày nhận được Quyết định này hoặc kể từ ngày Quyết định này được niêm yết công khai theo quy định của Luật tố tụng hành chính./.

Nơi nhận:

- Viện kiểm sát tỉnh Phú Thọ;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Nguyễn Hà Giang

Hướng dẫn sử dụng mẫu số 14-HC:

(1) Ghi tên Tòa án ra quyết định đình chỉ giải quyết vụ án hành chính; nếu là Tòa án nhân dân cấp huyện cần ghi rõ Tòa án nhân dân huyện gì thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương nào (Ví dụ: Tòa án nhân dân huyện X, tỉnh H). Nếu là Tòa án nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, thì ghi rõ Tòa án nhân dân tỉnh (thành phố) nào (Ví dụ: Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội).

(2) Ô thứ nhất ghi số, ô thứ hai ghi năm ra quyết định (ví dụ: số 02/2017/QĐST-HC).

(3) Ghi cụ thể lý do của việc đình chỉ giải quyết vụ án hành chính thuộc trường hợp nào quy định tại Điều 143 hoặc các điều luật khác của Luật TTHC (ví dụ: xét thấy người khởi kiện là cá nhân đã chết mà quyền, nghĩa vụ của họ không được thừa kế quy định tại điểm a khoản 1 Điều 143 của Luật TTHC).

(4) Ghi số ký hiệu thụ lý vụ án và ngày, tháng, năm thụ lý vụ án (ví dụ: Số 50/2017/TLST-HC ngày 12 tháng 6 năm 2017).

(5) Ghi trích yếu vụ án (ví dụ: “Về khiếu kiện quyết định thu hồi đất”).

(6) và (8) Nếu người khởi kiện, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là cá nhân, thì ghi họ tên và địa chỉ của cá nhân đó; nếu là cơ quan, tổ chức, thì ghi tên, địa chỉ trụ sở của cơ quan, tổ chức đó.

(7) Nếu người bị kiện là người có thẩm quyền thì ghi chức danh của người bị khởi kiện (ví dụ: Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh A); nếu là cơ quan, tổ chức, thì ghi tên, địa chỉ trụ sở của cơ quan, tổ chức đó.

(9) Tùy vào từng trường hợp đình chỉ vụ án cụ thể mà ghi hậu quả của việc đình chỉ giải quyết vụ án quy định tại Điều 144 của Luật TTHC, kể cả quyết định về tiền tạm ứng án phí, chi phí tố tụng (nếu có).